

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CHỢ MỚI
TỈNH AN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 299/2019/HNGĐ-ST

Ngày: 28-11-2019

V/v tranh chấp “Ly hôn, nuôi con”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHỢ MỚI, TỈNH AN GIANG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Đặng Thị Diệu Tiên

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Huỳnh Tấn Khoa.
2. Ông Võ Lâm Sơn.

Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Diễm Thúy – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Chợ Mới, tỉnh An Giang.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Chợ Mới tham gia phiên tòa: bà Đoàn Thụy Thùy Trang – Kiểm sát viên.

Trong ngày 28 tháng 11 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Chợ Mới xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 598/2019/TLST-HNGĐ ngày 04 tháng 7 năm 2019 về tranh chấp “Ly hôn, nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 521/2019/QĐST-HNGĐ ngày 08 tháng 10 năm 2019 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: bà Nguyễn Quỳnh G, sinh năm: 1987. (có mặt).

Địa chỉ: ấp T, xã G, huyện C, tỉnh An Giang.

Bị đơn: ông Lê Hữu T, sinh năm: 1982. (vắng mặt).

Địa chỉ: ấp T, xã B, huyện C, tỉnh An Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Trong đơn khởi kiện, tờ tự khai nguyên đơn bà Nguyễn Quỳnh G trình bày: bà và ông T quen biết, tìm hiểu và đi đến hôn nhân vào năm 2009, vợ chồng có tổ chức lễ cưới và đăng ký kết hôn tại UBND xã B. Thời gian chung sống hạnh phúc đến năm 2016 thì phát sinh mâu thuẫn do tính tình không phù hợp, vợ chồng thường xuyên cự cãi và vợ chồng hàn gắn nhiều lần nhưng không được, ông T thường xuyên bỏ nhà đi và không quan tâm vợ con. Do mâu thuẫn nghiêm trọng nên vợ chồng không chung sống với nhau khoảng 02 năm nay. Nhận thấy tình cảm không còn, nay bà yêu cầu ly hôn với ông T.

- Về con chung: có 01 con chung tên Lê Khoa Đ, sinh ngày 22/9/2009. Sau khi ly hôn, bà G đồng ý để ông T tiếp tục nuôi con chung, bà không cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung, nợ chung: không có.

Trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn ông Lê Hữu T trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: không đồng ý ly hôn với bà G, yêu cầu Tòa án tạo điều kiện cho vợ chồng hàn gắn.

- Về con chung: có 01 con chung tên Lê Khoa Đ, sinh ngày 22/9/2009. Sau khi ly hôn, yêu cầu được tiếp tục nuôi con chung, không yêu cầu bà G cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung, nợ chung: không có.

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu quan điểm:

- Việc tuân theo pháp luật tố tụng trong thời gian chuẩn bị xét xử và tại phiên tòa của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký: thực hiện đúng, đầy đủ quy định tại các Điều 195, 196, 197, 198 và Điều 203 Bộ luật tố tụng dân sự.

- Việc tuân theo pháp luật tố tụng của những người tham gia tố tụng:

+ Đối với nguyên đơn: thực hiện đúng theo quy định tại các Điều 70, 71 và Điều 234 Bộ luật tố tụng dân sự.

+ Đối với bị đơn: thực hiện đúng theo quy định tại các Điều 70, 72 Bộ luật tố tụng dân sự về quyền và nghĩa vụ của đương sự, quyền và nghĩa vụ của bị đơn.

- Về nội dung: bà Nguyễn Quỳnh G và ông Lê Hữu T kết hôn năm 2009, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã B ngày 08/10/2009 là hôn nhân hợp pháp được pháp luật thừa nhận và bảo vệ. Vợ chồng sống hạnh phúc đến năm 2017 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do bất đồng quan điểm trong cuộc sống, vợ chồng thường hay cự cãi nhau và ly thân khoảng 02 năm nay. Nay, nhận thấy tình cảm không còn, bà G yêu cầu ly hôn với ông T, ông T không đồng ý, nhưng bà G cương quyết ly hôn. Do đó, nếu buộc bà G trở lại cuộc sống chung vợ chồng cũng không hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được nên căn cứ Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình, chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà G.

- Về con chung: có 01 con chung tên Lê Khoa Đ, sinh ngày 22/9/2009, đang sống với ông T. Khi ly hôn, bà G đồng ý để ông T được tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng cháu Đ, không đồng ý cấp dưỡng nuôi con. Phía ông T thống nhất có 01 con chung tên Lê Khoa Đ, sinh ngày 22/9/2009, hiện đang sống với ông. Khi ly hôn, ông T yêu cầu được tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng cháu Thoại, không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con.

Xét thấy, từ khi ly thân cho đến nay, cháu Đ sống với ông T vẫn phát triển bình thường về thể chất và tinh thần. Mặt khác, nguyện vọng của cháu là được sống cùng ông T. Để ổn định cuộc sống cho cháu nghĩ nên để ông T được tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng cháu Đ. Do ông T không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con nên không đề cập đến.

Về tài sản chung, nợ chung: không có nên không đề cập giải quyết.

Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ các Điều 56, 58, 81, 82, 83, 84 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, xem xét quyết định:

- Chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà Nguyễn Quỳnh G đối với ông Lê Hữu T.

- Ông Lê Hữu T được tiếp tục nuôi dưỡng cháu Lê Khoa Đ, sinh ngày 22/9/2009, bà Nguyễn Quỳnh G không phải cấp dưỡng nuôi con.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

- Về thủ tục tố tụng:

[1] Bà Nguyễn Quỳnh G yêu cầu ly hôn với ông Lê Hữu T. Ông T có nơi cư trú tại ấp T, xã B, huyện C, tỉnh An Giang. Nên Tòa án nhân dân huyện Chợ Mới thụ lý giải quyết là đúng thẩm quyền được quy định tại các Điều 28, 35 và Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Bị đơn ông Lê Hữu T đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến tham gia phiên tòa lần thứ hai nhưng vắng mặt nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt theo quy định tại Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Về nội dung:

[3] Về quan hệ hôn nhân: bà Nguyễn Quỳnh G và ông Lê Hữu T xác lập quan hệ vợ chồng và chung sống với nhau, có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật nên hôn nhân của ông, bà được pháp luật thừa nhận và bảo vệ. Trong quá trình chung sống vợ chồng thường xuyên cự cãi do tính tình không phù hợp, ông T không quan tâm vợ con, không chăm lo cho gia đình, mâu thuẫn giữa ông, bà kéo dài, ông T không có thiện chí hàn gắn tình cảm vợ chồng. Bà G xác định không còn tình cảm với ông T, nếu tiếp tục chung sống với ông T thì không còn hạnh phúc.

Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tạo điều kiện cho vợ chồng hàn gắn nhưng không được, ông T cũng không tham gia các phiên hòa giải, nên Tòa án đã lập biên bản không tiến hành hòa giải được. Mặt khác, tại biên bản xác minh ngày 07/8/2019 cũng thể hiện nội dung bà G và ông T không còn chung sống với nhau khoảng 01 năm nay.

Hội đồng xét xử xét thấy tình trạng hôn nhân của bà G và ông T là trầm trọng, không thể tiếp tục, cả hai không muốn hàn gắn, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà G là phù hợp với quy định tại Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

[4] Về con chung: có 01 con chung tên Lê Khoa Đ, sinh ngày 22/9/2009. Hiện cháu Đăng sống chung với ông T, bà G đồng ý để ông T tiếp tục nuôi con, bà không cấp dưỡng nuôi con.

Xét về ý kiến đối với con chung của bà G thì thấy từ khi bà G và ông T không còn sống chung cho đến nay thì ông T vẫn chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục con chung, đảm bảo cho sự phát triển về thể chất và tâm sinh lý của cháu Đăng. Mặt khác, trong quá trình Tòa án giải quyết vụ án không ghi nhận được ý kiến phản đối

của ông T về việc tiếp tục nuôi cháu Đ và tại biên bản ghi ý kiến ngày 31/7/2019 thì cháu Đ có nguyện vọng sống với ông T.

Xét thấy việc chấp nhận ý kiến của bà G đồng ý cho ông T tiếp tục nuôi con chung là có căn cứ và phù hợp với nguyện vọng của cháu Đ. Do đó, Hội đồng xét xử quyết định giao cháu Đ cho ông T tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục là phù hợp với quy định tại khoản 2 Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014

Về cấp dưỡng nuôi con chung: do ông T không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[5] Về tài sản chung, nợ chung: ghi nhận ý kiến của bà G trình bày không có nên không đề cập giải quyết.

[6] Về án phí: bà G phải chịu án phí sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

- Căn cứ vào các Điều 51, 56, 57, 58, 81, 82, 83 và Điều 84 Luật hôn nhân và gia đình 2014.

- Các Điều 28, 35, 144, 147, 227, 228, 235 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

- Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

- Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Quỳnh G.

- Về quan hệ hôn nhân: bà Nguyễn Quỳnh G được ly hôn với ông Lê Hữu T. Giấy chứng nhận đăng ký kết hôn số 96, ngày 23/6/2009 do UBND xã B, huyện Chợ Mới, tỉnh An Giang cấp không còn giá trị pháp lý.

- Về con chung: ông Lê Hữu T được trực tiếp nuôi dưỡng con chung tên Lê Khoa Đ, sinh ngày 22/9/2009. Bà Nguyễn Quỳnh G không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Bà G không trực tiếp nuôi con chung nhưng bà có quyền tới lui thăm nom, chăm sóc và giáo dục con chung, không ai được ngăn cản bà G thực hiện quyền này.

Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của người thân thích của con, cơ quan có thẩm quyền, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con, buộc cấp dưỡng nuôi con chung dựa trên các căn cứ do pháp luật quy định.

- Về tài sản chung: không xem xét, giải quyết.

- Về nợ chung: ghi nhận bà Nguyễn Quỳnh G xác định không có nợ chung, nhưng sau khi bản án ly hôn có hiệu lực pháp luật nếu có nguyên đơn xuất trình chứng cứ chứng minh nợ chung của vợ chồng trong thời kỳ hôn nhân thì bà Nguyễn

Quỳnh G và ông Lê Hữu T vẫn phải liên đới chịu trách nhiệm với tư cách đồng bị đơn trong vụ án dân sự khác.

- Về án phí dân sự sơ thẩm: bà Nguyễn Quỳnh G phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) nhưng được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) theo biên lai thu số 0013268 ngày 02/7/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Chợ Mới, tỉnh An Giang. Bà G đã nộp xong.

Bà Nguyễn Quỳnh G được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Ông Lê Hữu T được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKSND huyện Chợ Mới;
- TAND tỉnh An Giang;
- Chi cục THADS huyện Chợ Mới;
- UBND xã B;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ./.

**TM . HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đặng Thị Diệu Tiên